

remote (adj)

/rɪ'məʊt/

xa xôi, hẻo lánh



sticky (adj)

/'stɪki/

dính, kết dính



terraced (adj)

/'terəst/

có dạng bậc thang



total (adj)

/'təʊtl/

toàn bộ, tổng cộng



traditional (adj)

/trə'dɪʃənl/

thuộc truyền thống



wooden (adj)

/'wʊdn/

bằng gỗ